

Số: 689/2020/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 11 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 960/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Từ L, sinh năm 1991: địa chỉ thường trú: Xóm P, thôn K, xã Q, huyện T, tỉnh Q; tạm trú: 126A/2 khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh B.

2. Bà Kiều Thị S, sinh năm 1993; địa chỉ thường: Xóm P, thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Q; tạm trú: 31/3/15 khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Từ L và bà Kiều Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh H, ngày 23 tháng 5 năm 2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông L và bà S xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông L và bà S có 02 con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2014. Ông Phạm Từ L và bà Kiều Thị S thống nhất sau khi ly hôn ông Phạm Từ L trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung tên

Phạm Đăng K, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2014; bà Kiều Thị S trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Từ L và bà Kiều Thị S.

- Về con chung: Ông Phạm Từ L trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2014; bà Kiều Thị S trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phạm Từ L chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Kiều Thị S 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047168 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường Trung L, thị xã H, tỉnh H (theo GCN Số 24/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Danh Đại Thắng